

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/DS-ST

Ngày: 21 - 9 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự - hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giang.

Ông Trần Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm - Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân Thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự - hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2020/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị N1, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Khu vực 4, phường A, thị xã M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/11/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2011 bà có tham gia chơi hội do bà Trần Thị N1 làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội ngày 09/11/2011 (âl) hội 2.000.000 đồng/tháng, hội có 21 phần, bà tham gia 01 phần, trong sổ hội ghi tên Út N, bà đóng được 19 lần, số tiền cụ thể đóng từng lần bao nhiêu bà không nhớ nhưng theo thỏa thuận chơi hội thì bà được hưởng 19 lần x 2.000.0000 đồng = 38.000.000 đồng.

- Dây hội ngày 24/11/2011 (âl) hội 1.000.000 đồng/nửa tháng, hội có 44 phần, bà tham gia 03 phần. Phần thứ 01 bà đã hốt lần thứ 40 được 39.500.000 đồng, bà N1 đã chung đủ cho bà, phần thứ 02 bà hốt lần thứ 41 được 39.000.000 đồng bà N1 đã chung cho bà được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 29.000.000 đồng, phần thứ 3 bà hốt lần thứ 44 được 44.000.000 đồng bà N1 chưa chung. Dây hội 2.000.000 đồng bà N1 còn nợ 38.000.000 đồng, dây hội 1.000.000 đồng bà N1 còn nợ phần thứ 2 là 29.000.000 đồng, phần thứ 3 nợ 44.000.000 đồng. Đến ngày 27/4/2013 bà N1 tính lại số tiền đóng thực tế của dây hội 2.000.000 đồng ngày 09/11/2011 và dây hội 1.000.000 đồng ngày 24/11/2011 phần thứ 2 và phần thứ 3 bà N đã đóng tổng cộng là 46.500.000 đồng, bà N1 cam kết trả hàng tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả nợ nhưng bà N1 vẫn không thực hiện. Tại phiên tòa bà yêu cầu bà N1 trả số tiền thực tế bà đã đóng là 46.500.000 đồng và lãi suất theo quy định tính từ ngày 27/4/2013 đến nay.

Đối với bị đơn bà Trần Thị N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa người làm chứng bà Huỳnh Thị Sáu trình bày: Bà có tham gia dây hội 1.000.000 đồng/nửa tháng ngày 24/11/2011 âm lịch cùng với bà N do bà N1 làm chủ, hội có 44 phần bà tham gia 01 phần, bà N tham gia 03 phần, bà biết dây hội này bà N1 còn nợ tiền bà N nhưng không biết bao nhiêu.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa người làm chứng bà Phạm Thị Ánh trình bày: Bà có tham gia dây hội 2.000.000 đồng/tháng ngày 09/11/2011 âm lịch, hội có 21 phần bà tham gia 01 phần, dây hội 1.000.000 đồng/nửa tháng ngày

24/11/2011 âm lịch cùng với bà N do bà N1 làm chủ, hội có 44 phần bà tham gia 01 phần, bà biết 02 dây hội trên bà N1 còn nợ tiền bà N nhưng không biết bao nhiêu.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 và tại phiên tòa người làm chứng bà Trần Thị Chính trình bày: Bà có tham gia dây 1.000.000 đồng/nửa tháng ngày 24/11/2011 âm lịch cùng với bà N do bà N1 làm chủ, bà tham gia 02 phần, bà N tham gia 03 phần, bà biết dây hội này bà N1 còn nợ tiền bà N nhưng không biết bao nhiêu.

Tại văn bản ngày 01/9/2020 người làm chứng ông Trịnh Ngọc Thanh trình bày: Ông có tham gia dây 1.000.000 đồng/nửa tháng ngày 24/11/2011 âm lịch cùng với bà N do bà N1 làm chủ, ông tham gia 01 phần, bà N tham gia 03 phần, dây hội này bà N1 còn nợ bà N không ông không biết và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà N đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71, Bộ luật tố tụng dân sự. Bà N1 chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,72, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Trần Thị N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N1. Đối với người làm chứng Trịnh Ngọc Thanh có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thanh.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự – hội” theo Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nội dung vụ án:

Theo bà Nguyễn Thị N trình bày năm 2011 bà có tham gia dây hội ngày 09/11/2011 hội 2.000.000 đồng/tháng và dây hội ngày 24/11/2011 hội 1.000.000 đồng/nửa tháng do bà N1 làm chủ. Sau khi bà N1 tuyên bố bế hội thì bà N1 thừa nhận còn nợ bà số tiền hội thực đóng là 46.500.000 đồng, bà N1 có viết biên nhận nợ cho bà hứa mỗi tháng trả 10.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả. Nay bà yêu cầu bà N1 trả 46.500.000 đồng và lãi suất theo quy định. Đối với bà N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên chưa có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Việc tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự – hội thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 09/11/2011 âm lịch bà N có tham gia dây hội 2.000.000 đồng/tháng, do bà N1 làm chủ, hội có 21 phần, bà tham gia 01 phần trong danh sách chơi hội ghi tên Út N, bà đã đóng được 19 lần, số tiền đóng từng lần bà không nhớ cụ thể bao nhiêu nhưng thỏa thuận chơi hội thì bà được hưởng là 38.000.000 đồng, số tiền này bà N1 chưa chung cho bà.

[5] Ngày 24/11/2011 âm lịch bà tham gia dây hội 1.000.000 đồng/nửa tháng, hội có 44 phần, bà tham gia 03 phần trong sổ hội ghi tên Út N. Phần thứ 01 bà đã hót lần thứ 40 được 39.500.000 đồng, bà N1 đã chung đủ cho bà, phần thứ 02 bà hót lần thứ 41 được 39.000.000 đồng bà N1 đã chung cho bà được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 29.000.000 đồng, phần thứ 3 bà hót lần thứ 44 được 44.000.000 đồng bà N1 chưa chung. Dây hội 2.000.000 đồng bà N1 còn nợ 38.000.000 đồng, dây hội 1.000.000 đồng bà N1 còn nợ phần thứ 2 là 29.000.000 đồng, phần thứ 3 nợ 44.000.000 đồng. Do bà N1 tuyên bố bế hội nên ngày 27/4/2013 bà N1 tính lại số tiền đóng thực tế của dây hội 2.000.000 đồng ngày 09/11/2011 và dây hội 1.000.000 đồng ngày 24/11/2011 phần thứ 2 và phần thứ 3 bà N đã đóng tổng cộng là 46.500.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị N Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng ngày 09/11/2011, hội có 21 phần, bà tham gia 01 phần đã đóng được 19 lần nhưng không xác định được cụ thể số tiền từng lần đã

đóng bao nhiêu, lẽ ra khi đóng hui bà phải yêu cầu bà N1 ghi vào danh sách hui để làm căn cứ tính lãi. Đối với dây hui ngày 24/11/2011 bà trình bày phần thứ 02 bà N1 còn nợ bà 29.000.000 đồng, phần thứ 3 bà N1 nợ bà 44.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà N cung cấp giấy tờ thể hiện phần hui 1.000.000 đồng ngày 24/11/2011 bà N1 còn nợ 29.000.000 đồng là phần hui thứ 2, còn phần thứ 3 bà N1 nợ số tiền 44.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ gì. Bà trình bày sau khi bẻ hui thì bà và bà N1 tính lại số tiền thực tế bà đã đóng của dây hui 2.000.000 đồng ngày 09/11/2011 và phần thứ 2, thứ 3 của dây hui 1.000.000 đồng/nửa tháng ngày 24/11/2011 tổng cộng là 46.500.000 đồng, bà N1 có viết biên nhận ngày 27/4/2013 cho bà, tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà N1 trả lại số tiền thực tế đã đóng là 46.500.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật. Tòa án đã triệu tập họp lệ bà N1 để xác định bà còn nợ tiền bà N 46.500.000 đồng, ghi tên Út N1 như trong biên nhận ngày 27/4/2013 có phải do bà ghi hay không nhưng bà vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ biên nhận ngày 27/4/2013 để buộc bà N1 trả số tiền thực tế bà N đã đóng là 46.500.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu tính lãi của bà N Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà N xác định các dây hui bà tham gia do bà N1 làm chủ là hui có lãi, thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày 27/4/2013 nên Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của ngân hàng nhà nước quy định mức cho vay cơ bản là 9%/năm, tương đương $0,75\%/tháng$, $0,75\% \times 150\% = 1,125\%/tháng$.

[8] Từ ngày 27/4/2013 đến xét xử sơ thẩm 21/9/2020 là 07 năm 04 tháng (88 tháng) 25 ngày: $46.500.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 88 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} = 46.470.925 \text{ đồng}$. Tổng cộng vốn lãi là $46.500.000 \text{ đồng} + 46.470.925 = 92.970.925 \text{ đồng}$.

[9] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định;

[11] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Văn Lắm**